

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HS-ST
Ngày: 04-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phạm Hòa

+ Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Trục – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Phan Thanh T, sinh ngày 05/3/2006, tại P, Đ, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phan Thanh Q, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1980;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 31/3/2022 bị Công an thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi buôn bán pháo nổ (theo Quyết định số 17/QĐ-XPHC)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/7/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trương Ngọc T1, sinh năm 2005; nơi cư trú: Thôn H, xã P,

thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 01/11/2007; nơi cư trú: Tổ dân phố D, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị L: Bà Huỳnh Thị Kim T2, sinh năm 1983 (là mẹ đẻ của chị L); nơi cư trú: Tổ dân phố D, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Anh Trần Thanh T3, sinh ngày 03/8/2006; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Ông Trương Quang L1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi cùng uống cà phê tại quán C, thuộc tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, đến khoảng 22 giờ ngày 16/4/2024, Phan Thanh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76AH-034.01 đi một mình, Trương Ngọc T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76G1-520.94 chở Trần Thanh T3 đến quán “Khói”, thuộc Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi mua 05 cặp chân gà nướng và tiếp tục đi đến quán T4 mua 20 lon bia S, sau đó cùng đi đến khu V ở Tổ dân phố E, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi để đợi Nguyễn Thị Mỹ L đang làm việc tại đây. Sau khi L làm xong, T điều khiển xe mô tô chở L, còn T1 chở T3 cùng đi đến khu tái định cư Đ, tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi để uống bia. Sau khi uống hết bia thì T3 chở L đi mua 03 chai rượu trắng (loại chai nhựa 350ml) để uống. Khi uống gần hết rượu đã mua thì T1 chở T đi mua thêm 01 chai rượu trắng (loại chai nhựa 1,5 lít) để uống tiếp. Đến khoảng 01 giờ ngày 17/4/2024, T thấy T3 và T1 có biểu hiện say xỉn nên nói để T chở T1, còn L chở T3 về nhưng T1 không đồng ý, T1 nói tự về được, để T1 chở T3 về và T1 ngồi lên xe mô tô biển kiểm soát 76G1-520.94 (loại xe Exciter) có sẵn chìa khóa để trên xe nhưng chưa nổ máy, còn T3 ngồi phía sau. Thấy vậy T đi đến đứng trước đầu xe, rút chìa khóa trên xe của T1 và nói “*Mày về đi*”, T1 xuống xe giật lại chìa khóa xe nên hai bên xảy ra xô xát, đánh nhau qua lại bằng tay. Thấy vậy, L chạy đến đứng giữa can ngăn thì bị T và T1 đánh trúng vào người nên L chạy lại gọi T3 ra can ngăn (T3 đang say nằm trên vỉa hè) nhưng T3 nói “*Kệ tụi nó đi, tụi nó không làm gì đâu*” nên L ngồi nói chuyện với T3. T và T1 tiếp tục đánh nhau, vật nhau ngã xuống đường làm T bị trầy xước ở vùng trán và gò má bên phải. Sau khi cả hai vừa đứng dậy, T1 tiếp tục chửi T. Lúc này T đang đứng đối diện với T1, cách T1 khoảng 0,5m, cầm chìa khóa xe trên tay phải (hướng mũi chìa khóa chìa về sau) đâm từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào vùng ngực trái của Trương Ngọc T1. Sau khi bị đâm, T1 ôm ngực đi lùi về sau, T chạy đến đỡ T1 và nói “*để tao chở*”

mày đi cấp cứu”. Thuyền diu T1 đến vị trí dựng xe mô tô, đưa chìa khóa cho L và T3 chở T1 đi cấp cứu tại Bệnh viện T4. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76AH-034.01 đi đến Bệnh viện với T1.

Hậu quả: Trương Ngọc T1 bị thương, được cấp cứu tại Bệnh viện T4, sau đó chuyển đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Q từ ngày 17/4/2024 đến ngày 25/4/2024 thì xuất viện.

Tại Kết luận giám định số: 173/KLTTCT-TTPY ngày 29/5/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Q, kết luận thương tích của Trương Ngọc T1 như sau:

- Thủng cơ hoành đã phẫu thuật:23%;
- Rách mạc nối lớn đã khâu:04%;
- Tổn thương màng phổi trái:04%;
- Rách thanh cơ dạ dày đã khâu:01%;
- Sẹo mổ qua vết thương mạn sườn trái:03%;
- Sẹo dẫn lưu màng phổi trái:02%;
- Sẹo mổ đường giữa bụng: 02%;
- Sẹo dẫn lưu hố chậu trái:02%;
- Sẹo mổ cạnh rốn:01%.

Tổng tỷ lệ: 36,50%, làm tròn số = 37%.

- Các tổn thương phù hợp vật sắc nhọn gây thương tích.
- Cơ chế hình thành các tổn thương do vật sắc nhọn tác động trực tiếp.
- Chiều hướng từ trên xuống dưới (từ ngực xuống bụng).
- Các tổn thương do đâm nếu không cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến chết người.

* Tại Cáo trạng số 55/CT-VKS-ĐP ngày 17/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Thanh T từ 30 đến 36 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho anh Trương Ngọc T1 01 (một) chìa khóa xe mô tô, có dây đeo móc khóa màu xanh, được đựng trong 01 (một) phong bì, dán kín tại phần mép dán có dấu tròn màu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng và chữ ký, chữ viết của Lê Văn Đ, Nguyễn Thái B.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Phan Thanh T đã bồi thường cho anh Trương Ngọc T1 90.000.000đồng. Anh T1 không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người bị hại và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra; đồng thời, người bị hại đã có đơn bãi nại, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên việc vắng mặt của người bị hại và những người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ theo quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Ngày 17/4/2024, xuất phát từ việc thấy Trương Ngọc T1 và Trần Thanh T3 có biểu hiện say xỉn nên Phan Thanh T đã giữ chìa khóa xe của T1, không cho T1 chở T3 về nhưng T1 không đồng ý nên giữa T và T1 đã xảy ra xô xát, dùng tay đánh, vật nhau ngã xuống đường. Quá trình xô xát, đánh nhau làm cho T bị trầy xước ở vùng trán và gò má phải nên T đã dùng chìa khóa xe mô tô đang cầm trên tay đâm 01 nhát vào vùng ngực bên trái của T1, làm cho T1 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 37%.

[4] Mặc dù, bị cáo Phan Thanh T có hành vi dùng chìa khóa xe mô tô (là hung khí nguy hiểm) đâm vào vùng trọng yếu trên cơ thể của anh Trương Ngọc T1; theo kết luận giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Q thì các tổn thương do đâm nếu không cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến chết người. Tuy nhiên, việc bị cáo gây thương tích cho anh T1 bắt nguồn từ việc bị cáo giữ chìa khóa xe của anh T1, không cho anh T1 về vì không muốn anh T1 xảy ra tai nạn khi điều khiển xe mô tô đi về trong tình trạng say xỉn nhưng anh T1 không đồng ý nên giữa bị cáo và anh T1 mới xảy ra xô xát, đánh nhau. Trong lúc bức tức, bị cáo đã dùng chìa khóa xe mô tô đang cầm trên tay gây thương tích cho anh T1. Hành vi của bị cáo chỉ

mang tính bộc phát; hung khí mà bị cáo sử dụng để gây thương tích cho anh T1 là chìa khóa xe mô tô của anh T1 mà bị cáo đang giữ, không phải loại hung khí nguy hiểm thường được các đối tượng sử dụng để xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác như: Dao, kiếm,...; giữa bị cáo và anh T1 hoàn toàn không có mâu thuẫn gì nên bị cáo không có động cơ, mục đích muốn tước đoạt tính mạng của anh T1. Ngoài ra, bị cáo chỉ cầm chìa khóa xe mô tô của anh T1 01 nhất, khi phát hiện thấy anh T1 bị thương thì bị cáo nói “*để tao chở mày đi cấp cứu*”, sau đó dìu T1 đến vị trí dựng xe mô tô để L và T3 chở anh T1 đi cấp cứu, điều này thể hiện ý thức của bị cáo là không mong muốn hậu quả chết người xảy ra với anh T1. Do đó, hành vi của bị cáo Phan Thanh T không đủ yếu tố cấu thành tội “*Giết người*” theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo Phan Thanh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi dùng hung khí gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng do bức xúc, không kiềm chế được hành vi của mình nên bị cáo đã cố ý thực hiện, làm cho anh Trương Ngọc T1 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 37%. Hành vi của bị cáo Phan Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Hành vi của bị cáo Phan Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và tính mạng của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng và cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cũng như để phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Thanh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phan Thanh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 90.000.000đồng; bị hại có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi do có hành vi đánh, chửi bị cáo, làm cho bị cáo bức xúc nên mới thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo có bà nội là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Chiến sỹ cách mạng bị địch bắt, tù đầy. Do đó, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[9] Xét thấy, bị cáo Phan Thanh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất bộc phát và có một phần lỗi của bị

hại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) chìa khóa xe mô tô, có dây đeo móc khóa màu xanh. Đây là chìa khóa xe của anh Trương Ngọc T1, được bị cáo T sử dụng để gây thương tích cho anh T1 nên cần trả lại cho anh Trương Ngọc T1.

[11] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Phan Thanh T đã bồi thường cho anh Trương Ngọc T1 90.000.000đồng; anh T1 không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo Phan Thanh T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho anh Trương Ngọc T1 01 (một) chìa khóa xe mô tô, có dây đeo móc khóa màu xanh, được đựng trong 01 (một) phong bì, dán kín tại phần mép dán có dấu tròn màu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng và chữ ký, chữ viết của Lê Văn Đ, Nguyễn Thái B.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 03/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phan Thanh T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Phan Thanh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- CQCSĐT Công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Đức Phổ;
- Phòng NVLT Công an thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong